

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DSST

Ngày: 30/7/2020

*“V/v tranh chấp
dân sự về vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Hải;

2/ Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30-7-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2020/TLST - DS ngày 25-02-2020, về vụ án *“Tranh chấp dân sự về vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐST-DS ngày 16-6-2020 và Quyết định hoãn Phiên tòa số: 119/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị P, sinh năm 1955;

Địa chỉ: số 52, tổ 2, ấp TL, xã TT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: 1/ Lê Phú Cu, sinh năm 1974;

2/ Bùi Thị Ma, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: số 171, tổ 5, ấp TL, xã TT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại Phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Trần Thị P trình bày: Bà Trần Thị P với vợ chồng anh Lê Phú Cu, chị Bùi Thị Ma là chỗ quen biết với nhau. Do tin tưởng nên bà đã nhiều lần cho anh Cu, chị Ma vay tiền. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 12/02/2019, cho vợ chồng anh Cu, chị Ma vay số tiền 60.000.000 đồng có làm biên nhận anh Cu, chị Ma ký tên. Mục đích vay là đáo nợ Ngân hàng. Khi cho vay tiền không thỏa thuận lãi suất.

Lần 2: Ngày 03/8/2019, cho vợ chồng anh Cu, chị Ma vay số tiền 30.000.000 đồng có làm biên nhận, anh Cu ký tên. Mục đích vay là đáo nợ Ngân hàng. Khi cho vay tiền không thỏa thuận lãi suất.

Lần 3: Ngày 17/8/2019, cho vợ chồng anh Cu, chị Ma vay số tiền 30.000.000 đồng có làm biên nhận anh Cu ký tên. Mục đích vay là đáo nợ Ngân hàng, không thỏa thuận lãi suất.

Lần 4: Ngày 27/10/2019, cho vợ chồng anh Cu, chị Ma vay số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận anh Cu ký tên. Mục đích vay trả nợ, không thỏa thuận lãi suất.

Tổng cộng số tiền vợ chồng anh Cu, chị Ma vay của bà P là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Khoảng tháng 12/2019, do cần tiền nên bà P đã báo vợ chồng anh Cu, chị Ma trong thời hạn 20 ngày phải trả lại toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng nhưng anh Cu, chị Ma không trả.

Nay bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết buộc anh Lê Phú Cu, chị Bùi Thị Ma liên đới trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn Lê Phú Cu và Bùi Thị Ma không có văn bản ý kiến và cũng không giao nộp chứng cứ.

- Về chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Biên nhận nợ ngày 12/02/2019; Biên nhận nợ ngày 03/8/2019; Biên nhận nợ ngày 17/8/2019; Biên nhận nợ ngày 27/10/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Pên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn biên nhận do nguyên đơn cung cấp thì xác định số tiền nguyên đơn khởi kiện là tiền vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp dân sự về vay tài sản”.

[2] Về tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn Lê Phú Cu và Bùi Thị Ma đã được tổng đạt hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung:

- Tại Pên toà sơ thẩm nguyên đơn Trần Thị P yêu cầu anh Lê Phú Cu và chị Bùi Thị Ma liên đới trả bà số tiền còn thiếu là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Bởi vì, căn cứ vào các biên nhận nợ Biên nhận nợ ngày 12/02/2019; Biên nhận nợ ngày 03/8/2019; Biên nhận nợ ngày 17/8/2019; Biên nhận nợ ngày 27/10/2019 thể hiện số anh Cu, chị Ma còn thiếu bà P là 150.000.000 đồng. Mặt khác, kể từ khi làm các biên nhận nợ đến nay anh Cu, chị Ma không có chứng cứ chứng minh là mình đã có trả nợ xong cho bà P. Do đó yêu cầu của bà P là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

- Đối với anh Lê Phú Cu và chị Bùi Thị Ma mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tổng đạt, công khai chứng cứ và xét xử cho anh, chị nhưng vẫn không có văn bản ý kiến. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Cu, chị Ma và buộc anh Cu, chị Ma phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo yêu cầu của bà Trần Thị P là phù hợp.

[4] Về lãi suất chậm trả: Tại Phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét thấy phù hợp nên tính lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24-03-2020, nguyên đơn đề nghị tiếp tục duy trì để đảm bảo việc thi hành án. Xét thấy, phù hợp nên chấp nhận.

“Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24-03-2020 của Tòa án nhân dân thành phố C để đảm bảo thi hành án cho bà Trần Thị P”.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí thì do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng (150.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 05-4-2019 của Chính phủ và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí.

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị P.
- Buộc anh Lê Phú Cu và chị Bùi Thị Ma có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền còn thiếu là 150.000.000 đồng (một trăm năm chục triệu đồng).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

“Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24-03-2020 của Tòa án nhân dân thành phố C để đảm bảo thi hành án cho bà Trần Thị P”.

*** Về án phí:**

- Anh Lê Phú Cu và chị Bùi Thị Ma liên đới chịu số tiền 7.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa Phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPC;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Minh Tùng